

Bản án số: 191/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 29/12/2023

V/v: *Ly hôn, nuôi con*

NHÂN DA

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Diệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Thanh

2. Bà Nguyễn Thị Út

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa có bà Lê Thị Xuân Nga – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 441/2023/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023, về việc: “*Ly hôn, nuôi con*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 170/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Bé T**, sinh năm 1997.

Địa chỉ tạm trú : Ấp 1, xã A, huyện T, tỉnh Long An.

Địa chỉ HKTT: Số 166/12, khu dân cư ấp A, xã Q, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: A **Nguyễn Tuấn A**, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ HKTT: Ấp A, xã Q, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

Địa chỉ tạm trú: ấp H, xã L, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 09 /10 /2023, biên bản không tiến hành hòa giải được cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Tuấn A qua quen biết tiến tới hôn nhân, hai bên có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/5/2015. Sau khi kết hôn hai vợ chồng lên Long An làm ăn một thời gian, sau đó về bên gia đình anh Tuấn A ở Phú Quới sinh sống, vợ chồng chung sống được vài tháng, phát sinh mâu

thuần do anh Tuấn A thường chơi game không lo cho gia đình, chị bỏ qua, đến năm 2016 mâu thuẫn càng trầm trọng hơn, anh Tuấn A không lo lắng cho vợ con, đến năm 2017 chị bỗng con về nhà cha mẹ ruột, Sau đó gia đình anh Tuấn A rứt cháu về để đi học, thời gian đầu anh Tuấn A có kêu chị về nhưng chị không về, vợ chồng ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay chị Bé T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Tuấn A.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 14/10/2014, chị đồng ý giao con cho anh Tuấn A nuôi dưỡng, vì cháu Minh T từ đó cho đến nay ở bên gia đình anh Tuấn A, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Bản ghi ý kiến nguyện vọng cháu Nguyễn Minh T cha mẹ ly hôn con muốn sống với cha.

Tòa án đã gửi thông báo thụ lý và thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần cho anh Nguyễn Tuấn A đến Tòa án mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, anh Tuấn A không đến, ngày 09/11/2023 Tòa án có đi đến nhà anh Tuấn A tiến hành làm việc, nhưng anh Tuấn A không có ở nhà, nên Tòa án làm việc lấy lời khai mẹ anh Tuấn A, bà Phó khai anh Tuấn A còn đăng ký hộ khẩu ở ấp Phú Long A, xã Phú Quới, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, A Tuấn A là chồng của chị Nguyễn Thị Bé T, sau khi kết hôn vợ chồng sống bên gia đình bà ở Lộ Hòa được 01 năm Bé T bỏ đi cho đến nay, Bé T ly hôn với Tuấn A, Tuấn A biết và nói với bà đồng ý ly hôn với Bé T và đồng ý tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con là cháu Nguyễn Minh T, do bận làm ăn xa nên không về giải quyết vụ án ly hôn được, giữa Bé T và Tuấn A không có tài sản chung. Vì vậy căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại bản ghi ý kiến của cháu Nguyễn Minh T cha mẹ ly hôn con muốn sống với cha.

Tại phiên tòa hôm nay: Bị đơn anh Nguyễn Tuấn A vắng mặt phiên tòa lần 2.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tòa án xác minh sự vắng mặt của bị đơn tại nơi cư trú, tiến hành lấy lời khai của người nhà bị đơn, việc Tòa án thu thập chứng cứ đúng quy định tại Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Hội đồng xét xử đầy đủ thành phần theo quyết định đưa vụ án ra xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự

Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé T.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Bé T được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn A.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 14/10/2014 cho anh Nguyễn Tuấn A chăm sóc nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị Bé T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu, nên không xem xét.

Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bé T nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] Chị Nguyễn Thị Bé T yêu cầu ly hôn với A Nguyễn Tuấn A, anh Tuấn A hiện còn đăng ký nơi cư trú ở ấp A, xã Q và tạm trú ở ấp H, xã H, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ được quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử đã gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập hai lần anh Nguyễn Tuấn A đến Tòa án giải quyết vụ kiện, có người nhà nhận thay, đến ngày xét xử anh Tuấn A không đến. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất giải quyết vắng mặt anh Nguyễn Tuấn A

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Bé T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Tuấn A cả hai có kết hôn với nhau được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/5/2015, nên đây hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Về mâu thuẫn tại phiên tòa hôm nay chị Bé T khai vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh Tuấn A không lo lắng cho vợ con, chơi game, dẫn đến vợ chồng cự cãi nhau, đến năm 2017 chị bồng con về nhà cha mẹ ruột sống, sau đó anh Tuấn A đem cháu về nhà anh Tuấn A sống cho đến nay. Anh Tuấn A biết Tòa án thụ lý giải quyết ly hôn Anh và chị Bé T, nhưng do đi làm xa nên vắng mặt phiên tòa. Xét vợ chồng chung sống phải yêu thương, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau, nhưng tình cảm giữa chị Bé T và anh Tuấn A đã mâu thuẫn trầm trọng, hiện nay cả hai không còn sống chung, mỗi người sống một nơi, hôn nhân không đạt được, đã vi phạm nghiêm trọng tình cảm vợ chồng. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Bé T được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn A là có cơ sở chấp nhận được quy định tại Điều 56 Luật

hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] Về nuôi con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 14/10/2014, hiện nay cháu đang sống bên nhà anh Tuấn A, chị đồng ý giao con cho anh Tuấn A chăm sóc nuôi dưỡng, tại bản ghi nguyện vọng của cháu Nguyễn Minh T cha mẹ ly hôn con muốn sống với cha. Xét theo nguyện vọng của cháu muốn sống với cha. Nên Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 14/10/2014 cho anh Tuấn A chăm sóc nuôi dưỡng, được quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

[2.3] Chị Nguyễn Thị Bé T có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở chị Bé T thực hiện quyền này, được quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Bé T không cấp dưỡng nuôi con, anh Tuấn A vắng mặt không có yêu cầu chị Bé T cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.6] Xét quan điểm phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 177, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Bé T được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn A.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Minh T, sinh ngày 14/10/2014 cho anh Nguyễn Tuấn A chăm sóc nuôi dưỡng.

3. Chị Nguyễn Thị Bé T có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở chị Bé T thực hiện quyền này.

4. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Bé T không cấp dưỡng nuôi con, anh Tuấn A không yêu cầu chị Bé T cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem

xét giải quyết .

5. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

6. Về nợ chung: không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

7. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bé T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0000028 ngày 10/10/2023 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, chị Nguyễn Thị Bé T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với người vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được thông báo, niêm yết tại nơi cư trú của người vắng mặt ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Long Hồ
- TAND tỉnh Vĩnh Long
- THADS huyện Long Hồ
- Các đương sự ;
- Lưu HSVA

Võ Thị Hồng Điệp

